

Bản án số: 773/2024/DS-PT

Ngày: 04 – 9 – 2024

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Thảo

2. Bà Đỗ Thị Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Vũ Xuân Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Tiên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 04/9/2024, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 590/2024/TLPT-DS ngày 30/7/2024, về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2396/2024/DS-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4453/2024/QĐ-PT ngày 07/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim Q**, sinh năm 1988;

Địa chỉ liên hệ: D6.07 **Chung cư E Đ S, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1985;

Địa chỉ liên hệ: **Số G Ú, khu dân cư G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông **Nguyễn Thành N** (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà **Trần Thị Kim Q** trình bày:

Bà là luật sư miễn phí của chị gái ruột của ông Nguyễn Thành N, nên bà quen biết ông N từ năm 2018. Ông N là người chủ động kết nối liên lạc với bà, nhưng bà và ông N không sống chung với nhau.

Ông Nguyễn Thành N có hỏi mượn bà số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng, bà đã chuyển số tiền này vào tài khoản của ông N theo “Chi tiết giao dịch” chuyển tiền ngày 30/12/2021, không ghi nội dung chuyển tiền. Bà cho ông Nguyễn Thành N mượn tiền để mua một phần chùa cho bố ông Nguyễn Thành N tu. Tên của ngôi chùa là Chùa K tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh B. Bố ruột của ông N tên Nguyễn Văn D là người đứng tên mua chùa. Việc vay mượn hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ông Nguyễn Thành N chỉ hứa là khi nào bán chùa có tiền sẽ trả lại cho bà. Tháng 8 năm 2022, bà biết ông Nguyễn Thành N đã bán chùa nên bà yêu cầu ông N trả tiền cho bà, bà xác nhận không có việc bà hợp tác làm ăn với ông Nguyễn Thành N. Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành N trả cho bà toàn bộ số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng, trả một lần, bà không yêu cầu tính lãi.

**** Theo Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:***

Ông và bà Trần Thị Kim Q quen biết và sống chung (không đăng ký kết hôn) từ khoảng cuối năm 2020 đến tháng 3 năm 2022. Ông xác nhận có nhận số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng do bà Q chuyển khoản vào số tài khoản của ông. Bà Q chuyển khoản mục đích là trả nợ và chia lợi nhuận cho ông trong quá trình hai người hợp tác làm ăn chung, nhưng ông không nhớ cụ thể các dự án hợp tác chung. Trong quá trình sống chung, ông và bà Q có mua 01 miếng đất ở Bình Thuận, 01 miếng đất ở Xuân Lộc, Đồng Nai và chiếc xe Fortuner, biển số xe ông không nhớ. Giấy tờ mua bán đất với các chủ đất, chủ quyền đứng tên xe đều do bà Q đứng tên một mình trên hợp đồng mua bán, bà Q giữ bản chính tất cả các giấy tờ. Ông khẳng định không có việc ông vay mượn tiền của bà Q, nên không có thỏa thuận gì với bà Q. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2396/2024/DS-ST ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q.

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành N có trách nhiệm trả ngay cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng theo “Chi tiết giao dịch” chuyển tiền ngày 30/12/2021.

1.2. Kể từ ngày bà Trần Thị Kim Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Thành N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chi trả số tiền nói trên thì hàng tháng ông Nguyễn Thành N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên

nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.500.000 (mười một triệu năm trăm nghìn) đồng. Bà Trần Thị Kim Q không phải chịu án phí. H lại cho bà Trần Thị Kim Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000697 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

- Ngày 25/6/2024, ông Nguyễn Thành N (bị đơn) kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Người kháng cáo là ông Nguyễn Thành N trình bày: Bà Trần Thị Kim Q (nguyên đơn) sỉ nhục gia đình ông bằng câu chuyện ông lừa tiền của bà Trần Thị Kim Q để mua chùa cho cha của ông tu, trong khi tiền mua chùa là của gia đình ông. Ông có nhận số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng do bà Trần Thị Kim Q chuyển khoản vào ngày 30/12/2021, nhưng tiền này là tiền bà Trần Thị Kim Q trả công sức đóng góp của ông trong thời gian ông chung sống với bà Q, ông đã làm rất nhiều việc cho bà Q. Vì vậy, ông không đồng ý trả lại số tiền này cho bà Q. Ông kháng cáo yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm, do cấp sơ thẩm không xem xét các chứng cứ là các email (thư điện tử) giữa ông và bà Trần Thị Kim Q. Ông với bà Trần Thị Kim Q có quá trình chung sống và hợp tác làm ăn chung, có con chung nhưng bà Trần Thị Kim Q đã phủ nhận tất cả các công sức đóng góp của ông.

* Bà Trần Thị Kim Q trình bày: Bà là người cho ông Nguyễn Thành N mượn số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng vào ngày 30/12/2021. Giữa bà và ông Nguyễn Thành N chỉ quen biết nhau, không làm ăn chung và cũng không chung sống với nhau. Bà không nhớ có sử dụng thư điện tử k***@gmail.com và q***@gmail.com hay không, nhưng giữa bà và ông Nguyễn Thành N không có việc hùn hạp làm ăn hay công sức đóng góp gì. Thời điểm năm 2021 dịch bệnh, bà đã bán đất để cho ông Nguyễn Thành N mượn tiền, nên nay bà yêu cầu ông Nguyễn Thành N trả lại, bà không yêu cầu trả lãi. Bà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành N thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

Về nội dung: Sau khi phân tích các chứng cứ và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thời hạn kháng cáo.

Ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử và tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 2396/2024/DS-ST, bị đơn ông Nguyễn Thành N có mặt. Ngày 25/6/2024, ông Nguyễn Thành N nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm không áp dụng các quy định về thời hiệu, là đúng quy định.

[1.3] Việc cung cấp bổ sung văn bản, tài liệu tại cấp phúc thẩm.

Kèm theo đơn kháng cáo, bị đơn đã giao nộp bổ sung các bản phô tô thư điện tử (email) cuộc nói chuyện vào các ngày 19/11/2021, 09/4/2022, 29/5/2022 giữa email: q***@gmail.com email k***@gmail.com với email của ông Nguyễn Thành N: dilacdaitonphat@gmail.com

Hội đồng xét xử đã công bố nội dung các thư điện tử nói trên tại phiên tòa.

[2] Về nội dung.

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành N trả số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền này bà chuyển khoản cho ông N mượn vào ngày 30/12/2021, chuyển từ tài khoản của bà số 13040887 tại Ngân hàng TMCP Á1 vào tài khoản số 0861000013605 của ông N tại Ngân hàng TMCP N1. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi số tiền nói trên.

[2.2] Bị đơn ông Nguyễn Thành N, thừa nhận có nhận 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng do bà Trần Thị Kim Q chuyển khoản vào tài khoản của ông ngày 30/12/2021. Mục đích chuyển tiền là nhằm trả công sức đóng góp của ông trong quá trình hai người chung sống với nhau. Việc nguyên đơn cho

rằng, giữa bà Q và ông không sống chung cũng như không có bất cứ mối quan hệ hợp tác, làm ăn hay cùng xử lý công việc là sai sự thật căn cứ theo các email (thư điện tử) mà nguyên đơn đã gửi mà bị đơn đã cung cấp cho Tòa án.

Về việc cha của bị đơn là ông Nguyễn Văn D mua chùa là việc cá nhân của gia đình bị đơn, số tiền mua chùa là do những người trong nhà tích góp, không liên quan đến bà Trần Thị Kim Q. Ông Nguyễn Thành N cung cấp bản phô tô sao kê ngân hàng, để chứng minh việc những người trong gia đình ông đã chuyển khoản để góp tiền mua chùa. Nguyên đơn cho rằng, bị đơn lừa tiền mua chùa cho bố tu là nhằm bịa đặt, bôi nhọ, hạ thấp danh dự của bị đơn và gia đình bị đơn.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N, về việc yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ “Chi tiết giao dịch” chuyển tiền ngày 30/12/2021 do nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q cung cấp, thì vào ngày này bà Q có chuyển khoản vào tài khoản của ông Nguyễn Thành N số tiền là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng, bà Q không ghi nội dung chuyển khoản. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành N thừa nhận vào ngày 30/12/2021 tài khoản của ông có nhận số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng do bà Trần Thị Kim Q chuyển khoản. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về mục đích chuyển tiền:

Bà Trần Thị Kim Q cho rằng, ông Nguyễn Thành N vay bà số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng, là để mua chùa cho bố của ông N tu, nhưng bà Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai này của bà.

Ông Nguyễn Thành N cho rằng, số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng bà Q chuyển khoản cho ông, là nhằm trả công sức đóng góp của ông trong quá trình hai người chung sống với nhau. Xét ý kiến của ông Nguyễn Thành N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Trần Thị Kim Q cho rằng, bà không nhớ có sử dụng các thư điện tử mà ông Nguyễn Thành N cung cấp hay không, nhưng tra cứu trên trang web Công ty TNHH T1 do bà Trần Thị Kim Q làm người đại diện theo pháp luật, thì công ty này có sử dụng thư điện tử k***@gmail.com. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Kim Q xác nhận bà là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T1. Xét, nội dung tin nhắn giữa thư điện tử k****@gmail.com với thư điện tử dilacdaitonphat@gmail.com ông Nguyễn Thành N chỉ xoay quanh quan hệ tình cảm giữa bà Trần Thị Kim Q và ông Nguyễn Thành N. Các tin nhắn qua thư điện tử do ông Nguyễn Thành N cung cấp, không có nội dung bà Trần Thị Kim Q chuyển khoản số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng là nhằm trả lợi nhuận, trả nợ hay trả công sức đóng góp cho ông Nguyễn Thành N. Về phía ông Nguyễn Thành N,

ông N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông có công sức đóng góp gì trong thời gian chung sống với bà Trần Thị Kim Q.

Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm ông Nguyễn Thành N còn cho rằng mục đích bà Trần Thị Kim Q chuyển số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng cho ông, là nhằm trả nợ và chia lợi nhuận cho ông trong quá trình hai người hợp tác làm ăn chung, nhưng ông Nguyễn Thành N không nhớ cụ thể các dự án hợp tác chung và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mục đích bà Q chuyển tiền là để trả nợ và chia lợi nhuận cho ông.

Về thông tin chuyển khoản ngày 30/12/2021, bà Trần Thị Kim Q không ghi nội dung chuyển khoản. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Kim Q cho rằng, giữa bà và ông Nguyễn Thành N không hợp tác làm ăn chung, ông Nguyễn Thành N cũng không có công sức đóng góp gì cho bà, số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng là tiền bà cho ông N mượn.

Từ các phân tích nói trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời khai của ông Nguyễn Thành N về mục đích chuyển tiền.

Xét, bị đơn ông Nguyễn Thành N có nhận từ nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng vào ngày 30/12/2021. Căn cứ Điều 165 của Bộ luật Dân sự quy định, thì việc ông Nguyễn Thành N chiếm hữu số tiền này của bà Trần Thị Kim Q, là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, bà Trần Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành N trả lại số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng, là phù hợp với khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định. Ông Nguyễn Thành N nhận tiền của bà Trần Thị Kim Q từ lâu, nên bà Q yêu cầu ông N trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực, là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã thực hiện việc thu thập chứng cứ và chứng minh theo đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành N.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Thành N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Thành N đã nộp. Ông Nguyễn Thành N đã nộp đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N (bị đơn) và giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành N, về việc yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 2396/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành N có trách nhiệm trả ngay cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim Q số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng theo “Chi tiết giao dịch” chuyển tiền ngày 30/12/2021.

2.2. Kể từ ngày bà Trần Thị Kim Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thành N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chi trả số tiền nói trên, thì hàng tháng ông Nguyễn Thành N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành N phải nộp 11.500.000 (mười một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Trần Thị Kim Q không phải nộp. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000697 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Thành N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Thành N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027848 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thành N đã nộp đủ.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trịnh Thị Ánh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thảo - Đỗ Thị Hòa Trịnh Thị Ánh